

BỘ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ QUỐC GIA



QUY TRÌNH
CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
QT.TN.01

| | Biên soạn | Kiểm tra | Phê duyệt |
|-----------|------------------|------------------|------------------------|
| Họ và tên | Nguyễn Minh Thi | Nguyễn Văn Duy | Lã Hoàng Trung |
| Chức vụ | Chuyên viên | Phó Trưởng phòng | Trưởng Ban chỉ đạo ISO |
| Ký | | | |

| | | |
|--|--|--|
| <p align="center">TRUNG TÂM CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ QUỐC GIA</p> | <p align="center">QUY TRÌNH CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG TCVN ISO 9001:2015</p> | <p>Mã số: QT.TN.01 Ngày ban hành: 15/4/2020 Lần ban hành: 01</p> |
|--|--|--|

NOI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu X ô bên cạnh)

| | | | |
|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Giám đốc | <input type="checkbox"/> | Phòng Nghiên cứu và Hợp tác quốc tế |
| <input type="checkbox"/> | Phó Giám đốc | <input type="checkbox"/> | Phòng Hạ tầng xác thực điện tử |
| <input type="checkbox"/> | Phòng Hành chính – Tổng hợp | <input type="checkbox"/> | Phòng Thông tin và Phát triển dịch vụ |
| <input type="checkbox"/> | Phòng Thẩm định và Pháp chế | <input type="checkbox"/> | Thư ký ISO |
| <input type="checkbox"/> | Phòng Kế hoạch – Tài chính | <input type="checkbox"/> | |

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

| Trang | Hạng mục sửa đổi | Tóm tắt nội dung sửa đổi |
|--|------------------|--------------------------|
| <i>Sửa đổi lần, ngày/...../20...</i> | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| <i>Sửa đổi lần, ngày/...../20...</i> | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

1. Mục đích

Quy trình này được biên soạn nhằm quy định thống nhất trình tự, thủ tục và cách thức thực hiện các hoạt động thẩm tra đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình áp dụng đối với cán bộ, viên chức, người lao động, các phòng thuộc Trung tâm và các đơn vị liên quan thực hiện việc cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tại Việt Nam.

Phòng Thẩm định và Pháp chế phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu Lãnh đạo Trung tâm thực hiện quy trình này.

3. Tài liệu viện dẫn, cơ sở pháp lý

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Quyết định số 989/QĐ-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.

4. Thuật ngữ, định nghĩa, chữ viết tắt

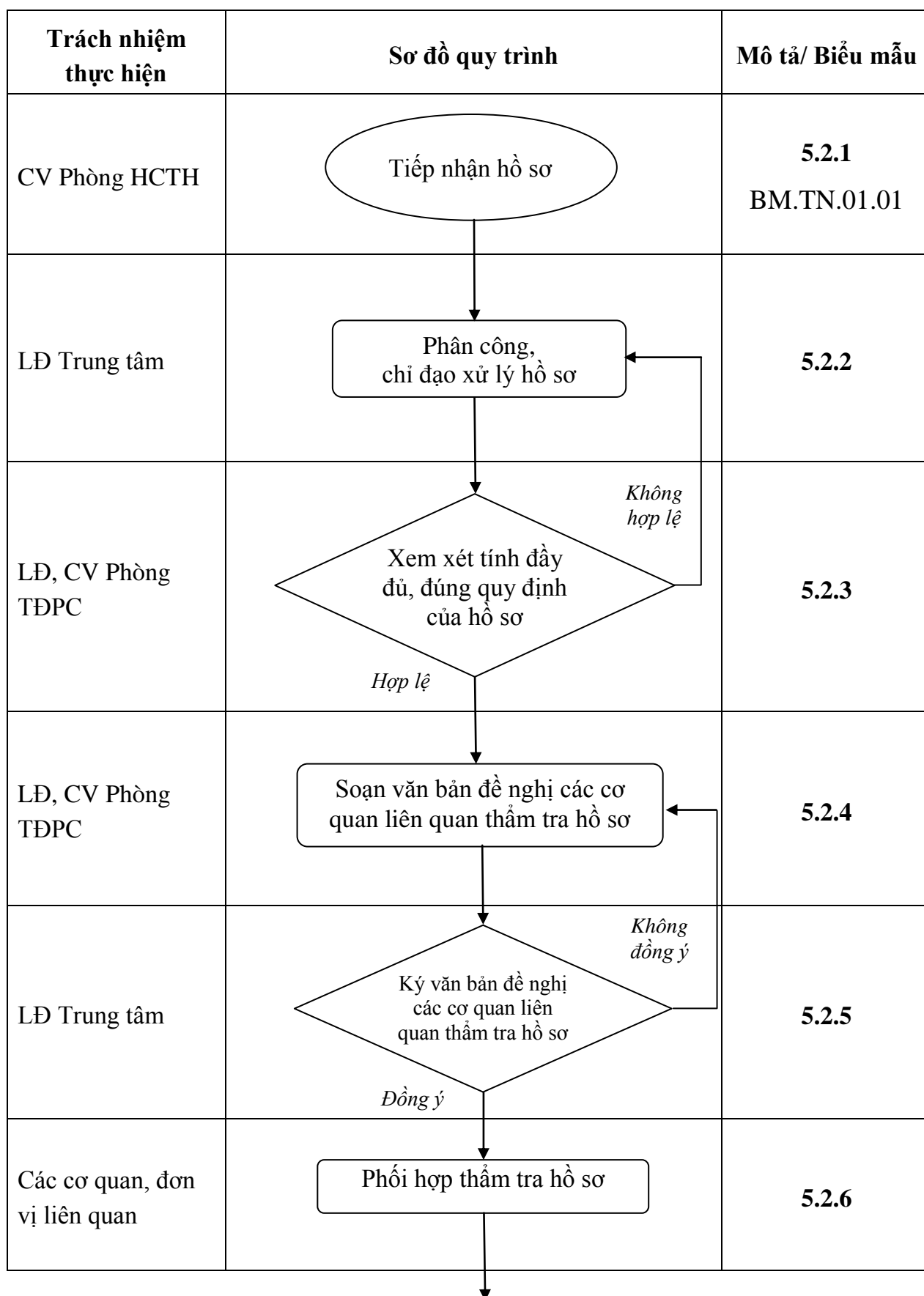
- LD: Lãnh đạo.
- CV: Chuyên viên.
- TĐPC: Thẩm định và pháp chế.
- HCTH: Hành chính - Tổng hợp.
- Trung tâm: Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.
- TTTT: Thông tin và Truyền thông.
- CA công cộng: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

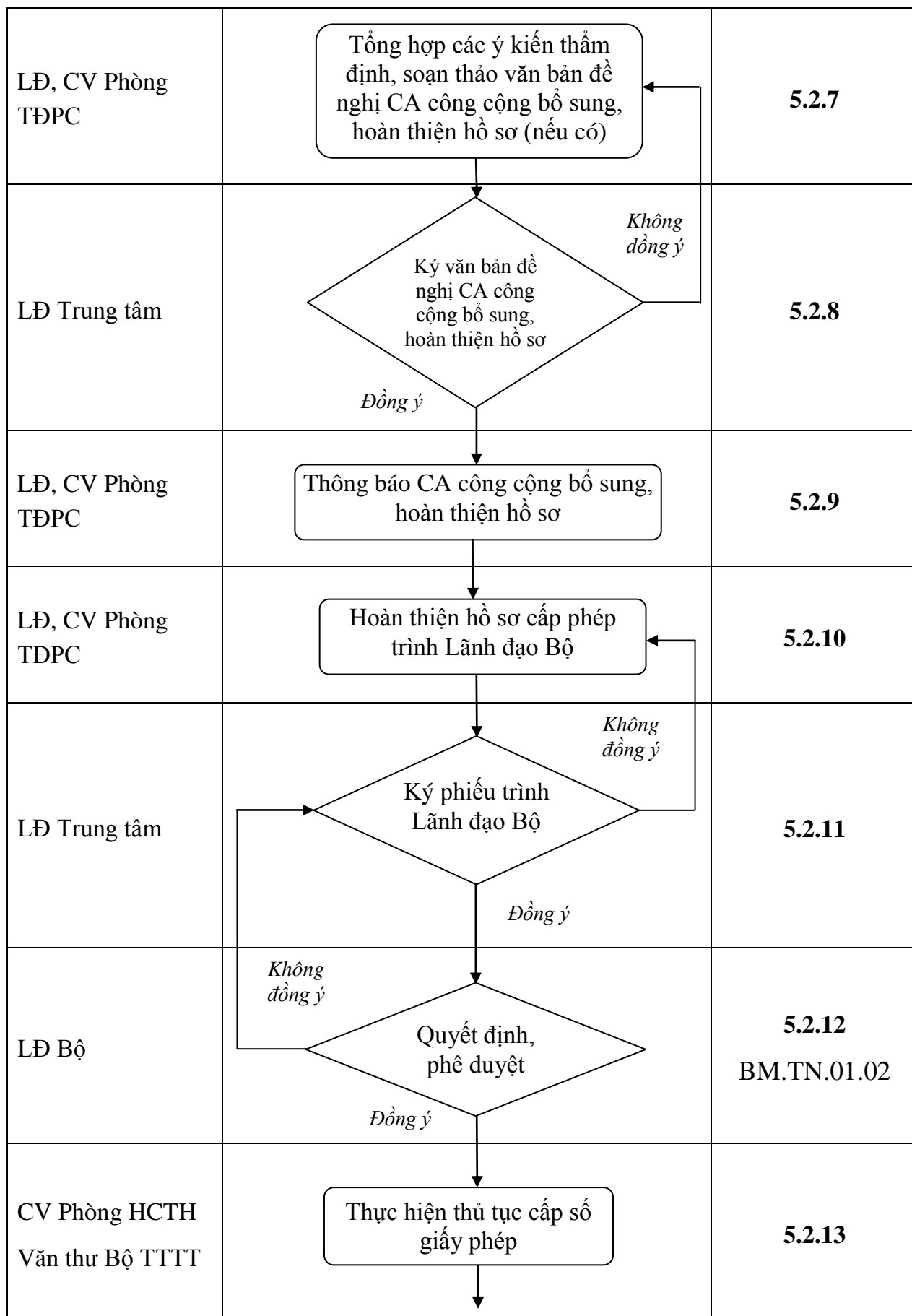
5. Nội dung

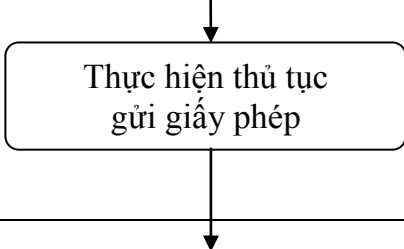
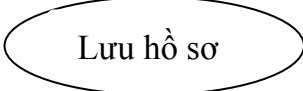
5.1. Lưu đồ thực hiện

Thời hạn thực hiện quy trình này là 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép hợp lệ.

Thực hiện theo lưu đồ dưới đây:





| | | |
|------------|--|--------|
| Phòng HCTH |  | 5.2.14 |
| Phòng HCTH |  | 5.2.15 |

5.2. Mô tả

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ

Chuyên viên Phòng HCTH tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp phép được gửi đến Trung tâm, ghi vào sổ theo dõi, sau đó trình Giám đốc Trung tâm.

5.2.2. Phân công, chỉ đạo xử lý hồ sơ

Giám đốc Trung tâm xem xét hồ sơ và phân công chuyển đến Lãnh đạo Trung tâm phụ trách, phân công, chỉ đạo Phòng TĐPC xử lý hồ sơ. Lãnh đạo Phòng TĐPC phân công, chỉ đạo chuyên viên xử lý hồ sơ.

5.2.3. Xem xét tính đầy đủ, đúng quy định của hồ sơ

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm và Lãnh đạo Phòng TĐPC, chuyên viên Phòng TĐPC tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra tính đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Sau khi gửi giấy biên nhận hồ sơ, chuyên viên xử lý hồ sơ sẽ kiểm tra các đầu mục tài liệu trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép và thẩm tra các nội dung trong hồ sơ so với các quy định pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu hồ sơ bị thiếu hoặc chưa đáp ứng đúng quy định pháp luật, chuyên viên xử lý hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Phòng TĐPC để báo cáo Lãnh đạo Trung tâm có văn bản thông báo hoặc gửi email trao đổi cho CA công cộng đề nghị cấp phép những yêu cầu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ để hoàn thiện.

Thời gian xử lý hồ sơ: 05 ngày.

5.2.4. Soạn văn bản đề nghị các cơ quan liên quan thẩm tra hồ sơ

Sau khi hồ sơ được xác định đã đầy đủ và đúng quy định pháp luật, chuyên viên xử lý (Phòng TĐPC) soạn thảo văn bản trình Lãnh đạo Trung tâm kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép của CA công cộng gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị

(Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ, Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học và Công nghệ, ...) phối hợp tiến hành thẩm tra chi tiết hồ sơ đề nghị cấp phép.

5.2.5. Ký văn bản đề nghị các cơ quan liên quan thẩm tra hồ sơ

Lãnh đạo Trung tâm phụ trách xem xét hồ sơ, nội dung công văn và cho ý kiến chỉ đạo, Phòng TĐPC chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến của Lãnh đạo Trung tâm (nếu có).

Trường hợp đồng ý, Lãnh đạo Trung tâm phụ trách ký văn bản gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép.

Trường hợp không đồng ý, chuyển lại Phòng TĐPC chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm phụ trách.

5.2.6. Phối hợp thẩm tra hồ sơ

Trên cơ sở văn bản đề nghị phối hợp thẩm tra Hồ sơ đề nghị cấp phép của Trung tâm, các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thẩm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và gửi ý kiến thẩm tra bằng văn bản trả lời Trung tâm theo thời hạn được ghi trong văn bản.

Thời gian phối hợp thẩm tra hồ sơ: 21 ngày.

Trước khi hết thời hạn 02 ngày, chuyên viên xử lý cần thực hiện việc liên hệ đến các cơ quan, đơn vị chưa thấy có ý kiến trả lời để nắm được tình hình xử lý, thẩm tra của cơ quan, đơn vị đó và nếu cần thiết báo cáo Lãnh đạo Phòng TĐPC, Lãnh đạo Trung tâm để đôn đốc, có ý kiến xử lý, giải quyết kịp thời.

5.2.7. Tổng hợp các ý kiến thẩm định, soạn thảo văn bản đề nghị CA công cộng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

Sau khi nhận được văn bản trả lời của các cơ quan, đơn vị phối hợp thẩm tra hồ sơ, chuyên viên xử lý sẽ tổng hợp toàn bộ các ý kiến thẩm tra đối với hồ sơ bao gồm cả ý kiến thẩm tra hồ sơ của Trung tâm, lập bản tổng hợp các ý kiến thẩm tra hồ sơ và ý kiến của Phòng TĐPC đối với từng ý kiến thẩm tra hồ sơ.

- Trường hợp ý kiến thẩm tra hồ sơ xác đáng, cần yêu cầu CA công cộng bổ sung thông tin, tài liệu, Trung tâm sẽ gửi văn bản tới CA công cộng.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đã đáp ứng yêu cầu thẩm tra hồ sơ, thực hiện theo Mục 5.2.10.

Thời gian tổng hợp, soạn thảo văn bản: 07 ngày.

5.2.8. Ký văn bản đề nghị CA công cộng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

Lãnh đạo Trung tâm phụ trách xem xét hồ sơ, nội dung công văn và cho ý kiến chỉ đạo, Phòng TĐPC chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến của Lãnh đạo Trung tâm (nếu có).

Trường hợp đồng ý, Lãnh đạo Trung tâm phụ trách ký văn bản gửi CA công cộng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp không đồng ý, chuyển lại Phòng TĐPC chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm phụ trách.

5.2.9. Thông báo CA công cộng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

Chuyên viên xử lý Phòng TĐPC gửi văn bản cho CA công cộng đề nghị cấp phép về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của CA công cộng, Phòng TĐPC tiếp tục thẩm tra hồ sơ bổ sung.

5.2.10. Hoàn thiện hồ sơ cấp phép trình Lãnh đạo Bộ

Chuyên viên xử lý, Phòng TĐPC hoàn thiện toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép theo đúng quy định pháp luật để trình Lãnh đạo Bộ TTTT.

5.2.11. Ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ

Lãnh đạo Trung tâm phụ trách xem xét toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép:

- Trường hợp Lãnh đạo Trung tâm phụ trách đồng ý với nội dung trình thì sẽ có ý kiến phê duyệt vào phiếu trình của Phòng TĐPC và ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ TTTT. Phiếu trình Lãnh đạo Bộ TTTT và toàn bộ hồ sơ sẽ được chuyển đến Văn thư Bộ TTTT.

- Trường hợp Lãnh đạo Trung tâm phụ trách không đồng ý với nội dung trình thì sẽ có ý kiến chỉ đạo cụ thể vào phiếu trình của Phòng TĐPC. Lãnh đạo, chuyên viên xử lý Phòng TĐPC sẽ hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm phụ trách và tiến hành trình lại.

5.2.12. Quyết định, phê duyệt

Lãnh đạo Bộ TTTT xem xét hồ sơ:

- Trường hợp Lãnh đạo Bộ TTTT đồng ý với nội dung trình thì sẽ có ý kiến phê duyệt vào phiếu trình và ký giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cho CA công cộng.

- Trường hợp Lãnh đạo Bộ TTTT không đồng ý với nội dung trình thì sẽ có ý kiến chỉ đạo cụ thể vào phiếu trình. Trường hợp từ chối không cấp phép, Bộ TTTT có văn bản thông báo CA công cộng và nêu rõ lý do.

Sau đó, toàn bộ hồ sơ trình được chuyển về Văn thư Bộ TTTT để chuyển lại Trung tâm.

5.2.13. Thực hiện thủ tục cấp số giấy phép

Văn thư Bộ TTTT thực hiện quy trình thủ tục cấp số giấy phép của Bộ TTTT theo quy định và thông báo cho Trung tâm.

5.2.14. Thực hiện thủ tục gửi giấy phép

Chuyên viên Phòng HCTH thực hiện gửi giấy phép đã được ký, đóng dấu, có số giấy phép và thời hạn của giấy phép cho CA công cộng.

- Trường hợp CA công cộng tới nhận trực tiếp, người đại diện thay mặt CA công cộng nhận giấy phép phải xuất trình giấy giới thiệu của CA công cộng và giấy tờ tùy thân, sau đó ký nhận, ghi ngày tháng nhận vào giấy giới thiệu về việc đã nhận giấy phép.

- Trường hợp CA công cộng yêu cầu gửi qua đường bưu chính, chuyên viên phòng HCTH sẽ thực hiện gửi giấy phép bằng đường văn thư qua hệ thống bưu chính.

Sau khi thực hiện xong việc gửi giấy phép cho CA công cộng, Phòng HCTH cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trung tâm trong vòng 03 ngày.

5.2.15. Lưu hồ sơ

Chuyên viên Phòng TĐPC thực hiện lưu toàn bộ hồ sơ cấp phép theo quy định, bao gồm:

- Các tài liệu là thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép.
- Các tài liệu liên quan khác do CA công cộng gửi.
- Các văn bản của các cơ quan, đơn vị phối hợp thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép.
- Bản sao giấy phép được cấp.
- Các công văn Trung tâm thông báo yêu cầu CA công cộng sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp phép (nếu có).

6. Hồ sơ lưu

| TT | Tài liệu cần lưu giữ | Nơi lưu | Thời gian lưu |
|-----------|--|----------------|----------------------|
| 1. | Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. | Phòng HCTH | 10 năm |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 2. | Các công văn thông báo yêu cầu CA công cộng sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp phép (nếu có). | | |
| 3. | Các văn bản trả lời của các cơ quan, đơn vị liên quan về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép của CA công cộng. | | |
| 4. | Phiếu trình Lãnh đạo Bộ TTTT và công văn gửi các đơn vị liên quan về việc cấp phép cho CA công cộng. | | |
| 5. | Bản tổng hợp các ý kiến thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép. | | |
| 6. | Bản sao giấy phép đã cấp. | | |

7. Đánh giá rủi ro

7.1. Thế mạnh của Phòng TĐPC

- Nguồn nhân lực trẻ, có trình độ cao, giàu tri thức, luôn trách nhiệm, tận tụy trong công việc.

- Có kỹ năng, kinh nghiệm tổ chức thẩm tra hồ sơ cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và trình cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Có kỹ năng, kinh nghiệm tổ chức thẩm tra hồ sơ cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và trình cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Có kỹ năng, kinh nghiệm tổ chức thẩm tra hồ sơ cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam và trình cấp phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.

7.2. Điểm yếu của Phòng TĐPC

- Nguồn nhân lực eo hẹp, thiếu thốn. Tổng số có 03 cán bộ, viên chức. Trong đó có 01 Lãnh đạo Phòng, 02 chuyên viên.

- Thu nhập của cán bộ, viên chức còn thấp. Đôi khi tác động không tốt đến tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, viên chức.

7.3. Xác định một số rủi ro chính

Các rủi ro chính có thể xảy ra và biện pháp đối phó rủi ro khi thực hiện quy trình này:

| ST T | Rủi ro chính có thể xảy ra | Tần suất xuất hiện | | | Mức độ ảnh hưởng | | | Biện pháp đối phó rủi ro |
|---------|---|--------------------|--------------|----------|------------------|-----|------|--|
| | | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Cao | Vừa | Thấp | |
| 1 | Giải quyết hồ sơ cấp phép quá thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | | X | | X | | | Phòng TĐPC chủ động đôn đốc trong tất cả các khâu của quy trình, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan khi thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép, phối hợp chặt chẽ với Văn thư Bộ TTTT để thực hiện thủ tục cấp số giấy phép. |
| 2 | CA công cộng nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện chậm. | X | | | X | | | Yêu cầu CA công cộng nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện đúng, đủ theo quy định. Không tính thời gian xử lý hồ sơ khi CA công cộng nộp chậm. |
| 3 | Lãnh đạo Bộ TTTT xem xét, chỉ đạo, phê duyệt chậm hoặc phải trình lại. | | X | | X | | | Phòng TĐPC cần bảo đảm chất lượng của hồ sơ trình Lãnh đạo Bộ TTTT. Lãnh đạo Trung tâm phụ trách có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ TTTT khi thời hạn xử lý bị quá thời hạn. |

8. Đánh giá kết quả thực hiện quy trình (Tích hợp KPIs)

8.1. Các chỉ tiêu cần đánh giá

| | |
|--|--------------------------|
| | Kết quả thực hiện |
|--|--------------------------|

| Chỉ tiêu đánh giá (KPIs) | Đạt yêu cầu | Không đạt yêu cầu |
|--|---|---|
| Xem xét về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp phép. | Tất cả thành phần hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định. | - Thiếu thành phần hồ sơ hoặc - Còn có thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đúng, chưa hợp lệ theo quy định. |
| Tổ chức lấy ý kiến thẩm tra cho hồ sơ đề nghị cấp phép bảo đảm thời hạn, đầy đủ các cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến trả lời. | Tất cả cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến trả lời đúng hạn về việc thẩm tra cho hồ sơ đề nghị cấp phép. | Còn có cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến trả lời không đúng hạn hoặc không trả lời về việc thẩm tra cho hồ sơ đề nghị cấp phép. |
| Tổng hợp các ý kiến trả lời thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép bảo đảm chất lượng và thời hạn. | Việc tổng hợp các ý kiến trả lời thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép bảo đảm đầy đủ, giải trình xác đáng và đúng hạn. | Việc tổng hợp các ý kiến trả lời thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp phép bảo đảm bị quá thời hạn hoặc phải trình lại theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ TTTT. |
| Bảo đảm việc lưu hồ sơ sau khi được cấp phép. | Tất cả các hồ sơ cần được lưu tại nơi và thời hạn theo đúng quy định pháp luật và theo quy trình này. | Có hồ sơ cần được lưu tại nơi và thời hạn không theo đúng theo quy trình này. |

8.2. Thời gian đánh giá

Thực hiện đánh giá hàng năm.

Hoàn thành việc đánh giá chậm nhất là ngày 31/01 hàng năm.

8.3. Đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng

Tiếp nhận ý kiến phản hồi từ CA công cộng và người dân về giấy phép cũng cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã cấp. Từ đó đánh giá sự thỏa mãn của CA công cộng, người dân.

8.4. Phân tích kết quả đánh giá (được thực hiện tại “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng năm ...” của Phòng TĐPC/ Trung tâm)

Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu cần đánh giá nêu tại mục 8.1 và kết quả đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng, Phòng TĐPC sẽ phân tích xem:

- Các kết quả đầu ra của quy trình đã hoạch định có đạt được không?
- Các biện pháp đối phó rủi ro đã mang lại hiệu quả như mong đợi chưa?
- Đề xuất nhu cầu cải tiến quy trình này và Hệ thống quản lý chất lượng?
- Mục tiêu chất lượng liên quan có đạt được không?

9. Phụ lục

- BM.TN.01.01: Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Mẫu số 01 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- BM.TN.01.02: Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Mẫu số 05 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

BM.TN.01.01

Mẫu số 01

(Tên doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp đề nghị cấp phép

Tên giao dịch tiếng Việt:.....

Tên viết tắt tiếng Việt:.....

Tên giao dịch tiếng Anh:.....

Tên viết tắt tiếng Anh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.....
cấp ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

E-mail: Website:.....

Tên và địa chỉ liên hệ của người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:.....

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

| STT | Tên tài liệu | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------|----------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |

| STT | Tên tài liệu | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------|----------|---------|
| ... | | | |

3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số và pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BM.TN.01.02

Mẫu số 05

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTTTT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
(Có giá trị đến hết ngày .../.../....)

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số ... ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên doanh nghiệp*);

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

NAY CHO PHÉP

Điều 1: (TÊN DOANH NGHIỆP), tên giao dịch tiếng Anh: (**TÊN TIẾNG ANH**), có trụ sở tại ..., có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ..., được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:

2. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng.

3. Loại chứng thư số

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) được cung cấp các loại chứng thư số sau:

.....
.....

4. Phương thức lưu khóa bí mật của thuê bao

Phương thức lưu khóa bí mật của thuê bao của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng*) như sau:

.....
.....

5. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng*) phải tuân theo các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đang có hiệu lực.

Điều 2: Ngoài các quy định tại Điều 1, (*Tên doanh nghiệp*) có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số và pháp luật có liên quan.

Điều 3: Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BỘ TRƯỞNG